

KHẢO VỀ TIỀN TÂY SƠN

NGUYỄN ANH HUY

220, Chi Lăng - Huế

ĐT: 0914 193969

E.mail: o.com

Chỉ mới hai trăm năm, nhưng do những hoàn cảnh lịch sử rất đặc biệt, những tư liệu, di tích thời Tây Sơn không còn được mấy. Riêng những đồng tiền Tây Sơn, đang được các nhà sưu tập bảo lưu, là những dấu ấn đích thực và cụ thể của một triều đại, rất cần được nghiên cứu.

Như chúng ta đã biết, sau khi phục hồi vương triều Nguyễn, nhất thống từ Gia Định đến Thăng Long, Thế tổ Nguyễn Phúc Ánh đã cho hủy các di tích Tây Sơn..., trong đó, những đồng tiền thông dụng cũng không ngoại lệ: *“Gia Long năm thứ 15 (1816), tháng 9... hủy tiền ngự hiệu Tây Sơn, chiếu rằng: ”quy chế đúc tiền, từ xưa ghi niên hiệu cốt để phân biệt. Từ thuở Tây Sơn lấn cướp, đúc ra các thứ tiền Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh, Bảo Hưng, dân gian nói nhau thông dụng, lẫn lộn rất nhiều. Nhưng noi theo đã lâu, chợt nghiêm cấm thì người tích trữ phải đọng lại mà không thông, người dùng quen thì ngại tiền mới, thực ra không tiện cho dân. Vậy chuẩn định những tiền ngự từ năm Đinh Sửu đến năm Tân Tỵ là 5 năm thì hãy cho thông dụng, từ năm Nhâm Ngọ về sau thì đều cấm. Ở trong hạn ấy thì kho tàng trưng thu và nhân dân mua bán không được kén loại, làm trái thì có tội”⁽¹⁾.*

Tuy vậy, các loại tiền Tây Sơn ngày nay vẫn còn dễ tìm thấy, hiệu tiền đọc chéo, viết theo lối chữ chân phương. Cũng như các loại tiền cuối thế kỷ XVIII, có những đặc điểm nổi bật là vành rộng, nền cạn, nét chữ bè. Đa số được đúc bằng đồng, có chất lượng sa sút so với các loại tiền những triều đại trước vì thường có tạp chất, cũng có loại bằng kẽm, kích thước đường kính không đều từ 18-24mm và thường rất mỏng, nặng khoảng 1,5gram.

Đại khái mặt trước tuy cùng một hiệu tiền nhưng mặt lưng cũng đa dạng, thường là:

- Một vòng trăng khuyết hoặc điểm sao, hoặc đôi khi cả hai dấu, nằm ở những vị trí không đồng nhất.

- Hai vòng hoặc bốn vòng trăng khuyết úp vào nhau gọi là “nhị / tứ khúc vân”, ngược lại 4 vòng mở ra ngoài gọi là “tứ phản vân”.

- Một vòng tròn sát viền trong, đôi khi có cả hai mặt gọi là “trùng luân”.

Số lượng tiền Tây Sơn, nhất là Quang Trung và Cảnh Thịnh, ngày nay được tìm thấy rất nhiều. Cho đến nay, chưa có cứ liệu cho phép kết luận các loại tiền của cùng một niên hiệu, loại nào đúc trước, loại nào đúc sau, chỉ trừ một vài loại tiền đặc biệt có thể phỏng định thời gian đúc.

● **TIỀN CỦA NGUYỄN VĂN NHẠC:**

Năm 1778, Nguyễn Văn Nhạc lấy niên hiệu Thái Đức (1778-1793), đến nay, các nhà sưu tập nghiên cứu đã tìm thấy nhiều loại tiền Thái Đức Thông Bảo được đúc khá cẩn thận, kích thước từ 22-24mm, bằng đồng, cũng có loại bằng kẽm. Năm Thái Đức thứ 10 (1787), sau khi ra Thăng Long trở về xưng Trung ương hoàng đế tại Quy Nhơn, đế hiệu là Minh Đức hoàng đế, cho đúc thêm hai loại tiền mới là Thái Đức Thông Bảo và Minh Đức Thông Bảo mặt lưng đều có hai chữ “Vạn tuế”, gọi chung là tiền Thái Đức thập niên.

* *Thái Đức Thông Bảo*: gồm các loại chính khác nhau ở mặt lưng như sau:

- 1, mặt lưng ngoài gờ viền, không có dấu hoặc chữ gì.
- 2, một loại bằng kẽm, các loại khác đúc bằng đồng.
- 3, mặt lưng có một điểm sao ở gần cạnh lỗ vuông: nếu phân loại chi tiết hơn thì sẽ có 4 loại có điểm sao và ở 4 vị trí 4 cạnh góc vuông.
- 4, hai điểm sao ở 2 cạnh đối diện của lỗ vuông.
- 5, một vùng trắng khuyết úp vào cạnh lỗ vuông.
- 6, một điểm sao và một vùng trắng khuyết đối diện qua lỗ vuông.
- 7, hai điểm sao ở 2 cạnh đối diện của lỗ vuông, riêng có thêm một vùng trắng khuyết ôm lấy điểm sao.
- 8, dấu tứ khúc vân.
- 9, mặt lưng có hai chữ “Vạn tuế”.
- 10, mặt lưng có hai chữ “Vạn tuế”, còn mặt trước có trùng luân.

* *Minh Đức Thông Bảo*: mặt lưng có hai loại khác nhau:

- 1, hai chữ “Vạn tuế” viết như ở tiền Thái Đức Thông Bảo.
- 2, một loại chữ “tuế” viết thảo cách khác.

● TIỀN CỦA NGUYỄN VĂN HUỆ: Ứ

Nguyễn Văn Huệ lấy niên hiệu là Quang Trung (1788-1792). Đã tìm thấy nhiều loại tiền Quang Trung khác nhau, bằng đồng, bằng kẽm. Loại bằng đồng thường rất mỏng, đường kính lớn 24mm, nhưng cũng có loại quá nhỏ chỉ 17mm. Gồm các loại sau:

* *Quang Trung Thông Bảo*:

- 1, một loại bằng kẽm, các loại kia bằng đồng.
- 2, tiền bằng đồng, mặt lưng ngoài gờ viền, không có chữ gì.
- 3, mặt trước chữ “bảo” viết theo lối giản thể.
- 4, mặt lưng có điểm sao cạnh lỗ vuông.
- 5, mặt lưng có dấu tứ khúc vân.
- 6, mặt lưng có dấu tứ phản vân.
- 7, mặt lưng có dấu nhị phản vân.
- 8, mặt lưng có dấu trùng luân.
- 9, cả hai mặt đồng tiền đều có trùng luân.
- 10, mặt lưng có chữ “nhất” trên lỗ vuông.
- 11, mặt lưng có chữ “công” cạnh lỗ vuông, như vậy sẽ có 4 vị trí.
- 12, mặt lưng có chữ “chính” dưới lỗ vuông.
- 13, hai chữ “An Nam” viết theo lối triện hai bên lỗ vuông.
- 14, hai chữ “An Nam” viết theo một lối triện khác.

15, tiền đều có 2 mặt chữ giống nhau.

16, hai mặt giống nhau và chữ “bảo” viết giản thể. Hai chữ Quang Trung tạo trục bắc nam đồng tiền, vì có hai mặt chữ giống nhau nên trục mặt trước có khi trùng mặt lưng nhưng cũng có lúc lệch 45^0 , 90^0 , 180^0 ...

* *Quang Trung Đại Bảo*: có 3 loại:

- 1, mặt lưng không có chữ.
- 2, mặt lưng có dấu tứ khúc vân.
- 3, mặt lưng có 4 chữ “Quang Trung Thông Bảo”.

● TIỀN CỦA NGUYỄN QUANG TOẢN:

Nguyễn Quang Toán lấy hai niên hiệu là Cảnh Thịnh (1793-1801) và Bảo Hưng (1801-1802). Đã tìm thấy nhiều loại tiền bằng đồng cũng rất mỏng, đường kính có khi đến 26mm, nhưng có loại chỉ 18mm, chủ yếu khác nhau ở mặt lưng.

* *Cảnh Thịnh Thông Bảo*: gồm các loại sau:

- 1, mặt lưng không có chữ.
- 2, mặt lưng không có chữ, nhưng mặt trước có dấu trùng luân.
- 3, cả hai mặt đồng tiền đều có trùng luân.
- 4, mặt lưng có dấu tứ khúc vân.
- 5, mặt lưng có dấu tứ phản vân.
- 6, mặt lưng có một đường tròn ngoại tiếp lỗ vuông.
- 7, cả hai mặt đồng tiền đều có chữ “Cảnh Thịnh Thông Bảo”.
- 8, mặt lưng có chữ “Quang Trung Thông Bảo”.

* *Cảnh Thịnh Đại Bảo*: gồm các loại sau:

- 1, dạng chính: 23mm, mặt lưng không có chữ.
- 2, loại nhỏ 21mm, cả hai mặt đồng tiền đều có trùng luân.

* *Bảo Hưng Thông Bảo*: đường kính 22mm, cũng mỏng như tiền Quang Trung, mặt lưng không có chữ gì.

● LUẬN QUANH NHỮNG ĐỒNG TIỀN KỶ LẠ:

* *Tiền Thái Đức thập niên...*

Khảo sát những đồng tiền Thái Đức Thông Bảo - Vạn Tuế, so với những đồng tiền mặt lưng không có chữ, thấy có những đặc điểm sau:

- Đường kính lớn hơn bình thường.
- Chất liệu đồng tốt hơn, thuần nhất hơn: có nghĩa rằng các đồng tiền này đều được đúc cùng một đợt, còn các loại tiền mặt lưng trơn thường có chất liệu khác nhau, tức là được đúc nhiều đợt, nhiều lò khác nhau.
- Thư pháp trên đồng tiền khác hẳn những đồng tiền thông dụng.
- Kỹ thuật đúc cẩn thận hơn.

Từ những đặc điểm trên, cho thấy loại tiền này được đúc với một mục đích nào đó. Hai chữ “Vạn tuế” thường được dùng cho một vị hoàng đế làm tôi liên tưởng đến sự kiện Nguyễn Văn Nhạc xưng Trung ương hoàng đế năm 1787.

Điều thực tế cần nói, đã nhiều lần chứng kiến những lô tiền chỉ gồm tiền Quang Trung, Thái Đức Thông Bảo, Thái Đức Thông Bảo - Vạn Tuế, thì lại có thêm một số đồng tiền Minh Đức Thông Bảo - Vạn Tuế.

Minh Đức còn là niên hiệu của nước Đại Thục thời Ngũ Đại - Thập Quốc ở Trung Quốc năm 934-937, cũng như là niên hiệu của Đại Việt - Mạc Đăng Dung năm 1527-1529. Nhưng loại tiền Minh Đức Thông Bảo - Vạn Tuế này mang đặc điểm của tiền thế kỷ XVIII và hoàn toàn giống tiền Thái Đức Thông Bảo - Vạn Tuế (chỉ khác là thay chữ “Thái” bằng chữ “Minh” nhưng cùng thư pháp) nên hoàn toàn khác với đặc điểm tiền Trung Quốc thế kỷ X cũng như tiền tiền Việt nam thế kỷ XVI.

Những điều này cho phép kết luận tiền Minh Đức Thông Bảo - Vạn Tuế cũng là do Nguyễn Văn Nhạc đúc năm 1787. Các chuyên gia tiền cổ nổi tiếng của Trung Quốc và Nhật Bản⁽²⁾ đều cho rằng cả hai loại tiền Thái Đức Thông Bảo - Vạn Tuế và Minh Đức Thông Bảo - Vạn Tuế đều do Nguyễn Văn Nhạc đúc năm Thái Đức thập niên. Tôi đồng ý với nhận định này, vì trong dòng chảy lịch sử tiền tệ, ngoài việc đúc tiền theo niên hiệu, cũng có lúc lấy quốc hiệu, các mỹ hiệu để đúc tiền vào những sự kiện chính trị trọng đại.

... Năm 1786, Tây Sơn vương Nguyễn Văn Nhạc và em là Nguyễn Văn Huệ giương cao ngọn cờ chính nghĩa “- Vì họ Trịnh hiếp chế nên chúng tôi ra đây giúp nhà vua [Lê]... ấy là phúc của hai nước đó”⁽³⁾. Năm sau (1787), Nguyễn Văn Nhạc xưng Trung ương hoàng đế tại Quy Nhơn, đế hiệu Minh Đức, phải chăng đã cho đúc cả hai loại tiền “Vạn tuế” vừa mang niên hiệu vừa mang đế hiệu để biểu hiện sự hùng mạnh và đức sáng của triều đại?!

* Những đồng tiền hai mặt đều có hiệu tiền...

- 1, Quang Trung Thông Bảo: hai mặt giống nhau.
- 2, Quang Trung Thông Bảo: mặt kia Quang Trung Đại Bảo.
- 3, Cảnh Thịnh Thông Bảo: hai mặt giống nhau.
- 4, Cảnh Thịnh Thông Bảo: mặt kia Quang Trung Thông Bảo.

Về sự xuất hiện những đồng tiền này, cách giải thích phổ biến nhất là do rập nhâm hai khuôn đúc tiền có hai mặt chữ nên đúc ra đồng tiền như vậy. Tuy nhiên cũng có thể chúng được đúc với một mục đích nào đó chưa khám phá được...

Truyền thuyết ở Huế kể rằng trong lễ tế cáo ở núi Bàn để chuẩn bị kéo đại binh ra bắc đánh Thanh, vua Quang Trung dùng một mẹo nhỏ, đã cho đúc 200 đồng tiền hai mặt giống nhau và đều không có chữ. Người khấn trời phù hộ và tung số tiền lên: tất cả đều sấp! Quân sĩ đều tin điềm trời cho thắng trận và nô nức quyết đánh...

Tôi nghĩ rằng một đồng tiền gồm hai mặt, mặt có niên hiệu của vua là mặt dương, còn mặt không có chữ là mặt âm. Đã là điềm trời cho thì tất cả đều phải có chữ “Quang Trung” mới đúng ý nghĩa tâm linh, chứ nếu tất cả đều sấp thì làm sao thắng trận được. Rất có thể những đồng tiền hai mặt có chữ Quang Trung nói trên đã được đúc trong truyền thuyết này chẳng?!

Riêng về đồng tiền mang hai mặt Quang Trung - Cảnh Thịnh, tất nhiên phải xếp vào đời vua sau và có thể có thêm cách giải thích sau: vua Quang Trung mất ngày 16/9/1792, chỉ còn 3 tháng nữa là hết năm. Quang Toàn lên ngôi chưa dùng ngay niên hiệu mới, để năm sau (1793) dùng Cảnh Thịnh nguyên niên. Vào những

tháng cuối năm 1792, vua Cảnh Thịnh có thể cho đúc loại tiền hai niên hiệu này để tưởng nhớ vua cha tuy đã nằm xuống nhưng vẫn còn như hiện diện, đồng thời biểu hiện bản thân mình thừa kế ngai vàng là một sự chỉ định chính thống...

** Có một tuyên ngôn...*

Một điều vô cùng thú vị khi bàn về Tây Sơn, tôi không thể không nói đến hai đồng tiền An Nam, vì chúng phản ánh một giai đoạn lịch sử rất quan trọng về chính trị và ngoại giao của triều đại...

Tiền Càn Long thì nhà sưu tập nào cũng có, và đều xếp vào bộ tiền Trung Quốc. Nhưng tôi muốn giới thiệu một loại tiền Càn Long rất lạ, khác hẳn các loại tiền Càn Long được lưu hành tại chính quốc, nhưng lại giống khuôn mẫu tiền Chiêu Thống lúc còn tại vị. Loại tiền này đã được xếp vào An Nam Tuyên Phổ, thuộc Lịch Đại Tiền Bộ, gọi là tiền “Chiêu Thống tứ niên 1789”, nằm bên cạnh bộ tiền Tây Sơn như một chứng tích lịch sử của ý đồ xâm lược bị thất bại!

... Khi được biết Nguyễn Hữu Chỉnh lộng quyền ở Nghệ An, Bắc Bình Vương đem binh hỏi tội. Vua Chiêu Thống lo sợ, xuất bôn lên Lạng Giang, còn hoàng thái hậu trốn qua Trung Quốc cầu cứu Đại Thanh.

Năm thời cơ, Tổng đốc Lương Quảng là Tôn Sĩ Nghị dâng sớ tâu vua Càn Long “*Nước Nam vốn là đất cũ của ta, sau khi cứu được nhà Lê, lại lấy đất An Nam, thật là lợi cả đôi đường*”⁽⁴⁾.

Vua Thanh đặc ý, vạch phương án chiến lược cho Tôn Sĩ Nghị điều binh bốn tỉnh cùng triều Lê lưu vong tiến chiếm Thăng Long, sau đó cho Vân Nam Tiền Cục đúc riêng một loại tiền mới. Đó là đồng tiền Càn Long Thông Bảo, mặt lưng có hai chữ “An Nam”. Vào tiết Đại Hàn đầu năm 1789, tiền và lương thực tiếp ứng được voi thồ ngựa kéo ỳ ạch sang nam...⁽⁵⁾

Và lại, vua Chiêu Thống, dưới sự bảo trợ của tổng đốc họ Tôn, mỗi lần trao đổi văn thư với nước Đại Thanh, cũng như chiếu chỉ xuống thần dân, đều lấy niên hiệu Càn Long thay cho niên hiệu của mình⁽⁶⁾. Điều này chứng tỏ vua Lê đã mất chủ quyền, và đồng tiền Càn Long - An Nam đã biểu hiện ý đồ của vua Thanh vậy!

Nước mất, song hào kiệt đời nào cũng có! Khi đại binh Tôn Sĩ Nghị chiếm Thăng Long thì ở Thuận Hóa, Bắc Bình Vương hội binh tướng bàn việc tiến quân. Ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Văn Huệ lập đàn tế cáo trời đất tại núi Bân, lên ngôi hoàng đế, niên hiệu Quang Trung.

Do tướng sĩ đều một lòng quyết “*đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ*”⁽⁷⁾, nên theo kế hoạch đã định, nhà vua hẹn ăn tết Kỷ Dậu vào ngày Khai Hạ. Chiều mùng 5 tết, vua Quang Trung áo bào sạm đen khói súng, dẫn đại binh vào thành Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị “*phiến giáp bất hoàn, chích luân bất phản*”⁽⁸⁾ quăng ấn thoát thân... Cờ đào pháp phối trong nắng lộng!

Đoàn tiếp vận của quân Thanh vừa đến biên ải đã gặp bại binh hốt hải chạy về... Tôn Sĩ Nghị đưa tay vẫy lui lia lia... Hai đoàn quân nhập một chạy trốn chết về bắc...

Ôi! Tờ sớ dâng vua của Tôn Sĩ Nghị rơi đó... Mật lệnh của vua Càn Long rớt đây⁽⁹⁾ ... Tất cả các loại sớ từ, mật lệnh còn lại cùng những đồng tiền Càn Long

ấy, đều được tiêu hủy để phi tang khi nghe vua Quang Trung sang Yên Kinh đáp lễ phong vương⁽¹⁰⁾.

Và trong công vật của nước Nam, triều đình Mãn Thanh còn thấy thêm chuỗi tiền sáng chói mới đúc cũng có hai chữ “An Nam” viết như ấn triện đánh thép, mặt kia lấp lánh bốn chữ “Quang Trung Thông Bảo”! Đình thần tái mặt, không dám đệ trình, vua Càn Long cũng biết... song tím ruột làm ngo...

Phải chăng vua Quang Trung đã cho đúc loại tiền mới này để khẳng định cho vua Càn Long biết: - Nam quốc sơn hà, Nam đế cư!

Khảo sát tiền Quang Trung Thông Bảo - An Nam thấy có các đặc điểm sau: tiền to, dày, chất liệu tốt, thư pháp... khác hẳn các loại tiền thông dụng và hiếm gặp. Mặt lưng có chữ “An Nam”, là một loại tiền rất đặc biệt chưa từng có, trừ khi có sự xuất hiện của tiền Càn Long - An Nam. Do đó, tiền Quang Trung Thông Bảo - An Nam được đúc ra không ngoài mục đích ngoại giao mà tôi thiên nghĩ đây là một đòn đánh về mặt ngoại giao của quân sư Ngô Thì Nhậm!

Một số nhà nghiên cứu đã đọc hai chữ ở lưng tiền là “Bình Nam”⁽¹¹⁾, theo tôi, phải đọc là “An Nam” mới đúng. Về mặt chữ Hán, hai chữ “An Nam” có hai cách viết theo lối chữ triện khác nhau, mà trong đó có một loại có chữ “an” rất rõ; còn loại kia thì rất dễ nhầm thành chữ “bình”, nhưng bộ miên của chữ “an” lại rất rõ. Về mặt ý nghĩa lịch sử, vì đã có tiền Càn Long Thông Bảo - An Nam, nghĩa là nước ta đã bị mất, Nguyễn Văn Huệ muốn “cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ” mới đúc đồng tiền Quang Trung - An Nam, hai chữ “An Nam” hàm ý thứ nhất là Nam quốc đã “hữu chủ” (có chủ), và hàm ý nữa là Quang Trung đã được phong An Nam quốc vương... như một sự chính thống... Và lại, nếu đọc là “Bình Nam”, hai chữ này cũng chẳng có ý nghĩa gì với Quang Trung để phải đúc ra: hai chữ “Bình Nam” là của chúa Trịnh sử dụng khi chiếm được Phú Xuân (tức đã “Bình Nam”), còn đối với Nguyễn Văn Huệ từ phương nam đánh ra thì chỉ có “Bình Bắc” chứ không thể có “Bình Nam”, bởi tước của Nguyễn Văn Huệ là Bắc Bình Vương mà!

● CÁC LOẠI TIỀN LỚN:

Có rất nhiều tài liệu nhắc đến tiền Tây Sơn loại đường kính lớn, nhưng rất tiếc đến nay tôi chưa thấy đồng nào là đích thực. Tìm hiểu thực tế qua các bậc tiền bối, được biết các loại tiền Quang Trung - Cảnh Thịnh đường kính từ 40-130mm, mặt lưng thường có 8 mỹ tự “*Nội an ngoại tinh, quốc phú binh cường*”, “*Quốc thái dân an, phong điều vũ thuận*”...⁽¹²⁾ đều là sản phẩm mới sáng tác của Phường Đúc - Huế từ năm 1955.

Một nhà sưu tập kinh nghiệm, khi cầm một đồng tiền có nét chữ sượng sùng, nền không phẳng, đường nét thô thiển, toát ra một vẻ giả trá đáng ghét dễ cảm thấy; bằng một kỹ thuật nhỏ, lấy mũi kim vén màng rét xanh sẽ lộ ra chất đồng con mới hăng nồng, đó là đồ đồng đỏ vỏ cua! Sở dĩ vậy, vì các loại tiền giả thường được đúc bằng đồng đỏ hặc một hợp kim đồng rất mềm không được luyện kỹ, dễ nấu chảy để rót vào khuôn giả. Sau khi làm nguội, người thợ ngâm đồng tiền vào nước muối phèn, tiền sẽ lên màu xanh giả gi, nhằm đánh lừa những ai yêu mến cổ vật...

Tài liệu cổ xưa nhất có nhắc đến tiền Tây Sơn loại lớn là sách của Toda in tại Thượng Hải năm 1882, trang 78 có giới thiệu 2 mẫu tiền Cảnh Thịnh Thông Bảo đường kính 42mm trang trí vành diềm và hình mặt lưng khác nhau. Xét về lịch sử phát triển đồ giả cổ thì tại Trung Quốc từ thế kỷ XVIII đã có đồ giả cổ để đánh lừa người phương Tây. Sách của TingFuBao sưu tập rất nhiều đồng tiền quý hiếm của Việt Nam nhưng không hề giới thiệu tiền Cảnh Thịnh loại lớn. Sách của Albert Schroeder xuất bản tại Paris năm 1905, cho biết thời đó đã có “fause monnaie” là những đồng tiền giả không có trong lịch sử!

Do vậy, hai đồng tiền Cảnh Thịnh loại lớn trong sách của Toda, chưa chắc đã là tiền thật. Và cho đến nay, tôi chưa có cứ liệu nào để khẳng định Tây Sơn có đúc những đồng tiền lớn hay không!

● VỊ TRÍ CỦA TIỀN TÂY SƠN:

Như đã nói, những tài liệu gốc thời Tây Sơn về việc đúc tiền, cho đến nay xem như không thể tìm được. Do vậy, phải dựa vào thực tế hiện vật tìm được để bình xét...

“Những cuộc điều tra và khai quật khảo cổ học cho hay rằng lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, tiền Tây Sơn chiếm số lượng áp đảo so với tiền Càn Long và Gia Khánh của Trung Quốc, ở những miền biên viễn như Móng Cái (Quảng Ninh) hoặc cả ở những hải đảo xa xôi giữa biển khơi như Vân Hải, tiền Quang Trung và Cảnh Thịnh cũng phân bố nhiều và là hiện vật khảo cổ học dễ thấy nhất, phong phú nhất. Đây là bằng cứ rất đáng chú ý về chính sách kinh tế của nhà Tây Sơn, đặc biệt là Quang Trung đã ra sức xây dựng một nền kinh tế độc lập và giàu mạnh”⁽¹³⁾. Tôi đồng ý với ý kiến trên, đó là tiền Tây Sơn (nhất là tiền Quang Trung) có số lượng rất lớn và rất dễ tìm thấy. Phong trào nông dân Tây Sơn bùng nổ trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế do nạn lạm phát tiền kẽm thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, cũng như nạn loạn chế tiền Cảnh Hưng ở Đàng Ngoài. Sau khi đại thắng quân Thanh, rất có thể vua Quang Trung đã cho đúc rất nhiều tiền đồng để thay thế nạn loạn chế tiền khắp cả hai miền đất nước. Song cũng có thể do trên đà đúc tiền không được kiểm soát nên đã tiếp tục gây lạm phát chăng?

Bởi vì “Gia Long năm thứ 10 (1811)... Giám đốc cục đúc tiền ở Bắc thành dâng sớ nói: “-Nhà Lê trước đặt cục đúc tiền 3 sở, đúc luôn không nghỉ, thế nên đồng tiền thừa thãi. Từ khi ngụy Tây đúc không đúng phép, tiền ngày càng ít, thóc gạo rẻ mà dân thì nhiều người đói”⁽¹⁴⁾.

Tôi không phải là nhà kinh tế tài chính, nhưng cho rằng trong việc đúc tiền Tây Sơn đã có sự thuận lý về sự lưu hành tiền trong cái nghịch lý về việc đúc tiền “không đúng phép”. Vì muốn thay thế nạn lạm phát tiền kẽm và các loại tiền cũ của nhà Lê ở Bắc Hà, nên vua Quang Trung đã cho đúc tiền mỏng, nhẹ (1,5 gram). Tâm lý người sử dụng luôn muốn dành lại các loại tiền tốt, dày thời Lê (nặng 4,5 gram) để lưu trữ, còn các loại tiền xấu nhẹ (tức tiền Quang Trung) thì thải ra chuyên qua tay người khác. Nhẹ thì trôi chảy, nặng thì chìm đọng: như vậy các loại tiền Tây Sơn đã được lưu hành thật sự! trong khi các loại tiền khác thì bị cất giữ. Hai xứ Thuận Hoá và Quảng Nam không có mỏ đồng, nên các chiến lợi phẩm cũng như các loại tiền thời trước đều được triều đình Tây Sơn thu giữ để

làm nguyên liệu đúc ra tiền mới, mỏng nhẹ, có số lượng nhiều hơn gấp bội! Có lẽ như vậy mới giải thích được vì sao tiền Quang Trung lưu hành với số lượng rất lớn, trong khi tiền thời Lê thì “ngày càng ít”!

Và chính vì tiền Tây Sơn, chủ yếu là Quang Trung, được lưu hành mạnh mẽ với số lượng lớn như thế nên sau này vua Gia Long lên ngôi từ năm 1802, nhưng vẫn cho lưu hành tiền Tây Sơn, mãi đến năm 1816 mới chính thức có lệnh bắt đầu thu đổi tiền Tây Sơn: “*Năm thứ 15, bần định tiền Tây Sơn như niên hiệu Thái Đức, Quang Trung, Cảnh Thịnh, Bảo Hưng, từ năm Đinh Sửu (1817) đến năm Tân Tỵ (1821), trong hạn 5 năm ấy... đều tạm cho thông dùng như cũ. Từ năm Nhâm Ngọ (1822) về sau đều cấm không được tiêu dùng nữa...*”⁽¹⁵⁾.

Trong thời gian ấy, tiền Tây Sơn thường được dân nộp thuế vào kho công. Việc công của triều đình vẫn cho phép phát tiền Tây Sơn để chuyển từ kho này sang kho khác. Đến năm 1822, việc thu đổi tiền Tây Sơn vẫn chưa hoàn tất, vua Minh Mạng khoan dung, hạn thêm một năm nữa để thu đổi 2 đồng tiền đồng hoặc 3 đồng tiền kẽm Tây Sơn, lấy một đồng tiền kẽm mới. Sau hạn gia thêm ấy, nếu ai còn dùng tiền Tây Sơn thì bị tịch thu sung công⁽¹⁶⁾. Tất cả số tiền Tây Sơn thu được, từ thời Minh Mạng và mãi đến thời Tự Đức dần bị huỷ xem như là nguyên liệu để cải đúc tiền mới⁽¹⁷⁾.

Qua đó, ta thấy tiền Tây Sơn có một vị trí rất đặc biệt trong lịch sử tiền tệ Việt Nam. Về chính sách kinh tế tiền tệ triều đại này, các tư liệu còn lại quá ít, chưa thể khảo tường tận được...

Chú thích:

- 1, Quốc sử quán triều Nguyễn (Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch), *Đại Nam Thực Lục*, NXB Giáo Dục, Đà Nẵng, 2004, Tập 1, tr. 935.
- 2, Xem : - TingFuBao, *Lịch Đại Cổ Tiền Đồ Thuyết* (sách chữ Hán), Thượng Hải, 1984.
 - Miuria Gosen, *An Nam Tuyên Phổ, Lịch Đại Tiền Bộ* (sách chữ Nhật), Nhật Bản, 1966. Sách này còn giới thiệu một đồng tiền Minh Đức Thông Bảo bằng kẽm, và cho rằng là của Nguyễn Văn Nhạc đúc năm 1787, sách Tiền Cổ Việt Nam của Đỗ Văn Ninh (NXB KHXH, Hà Nội, 1992) đều cho những đồng tiền Minh Đức này là của Mạc Đăng Dung năm 1527. Riêng tôi thì cho tiền kẽm Minh Đức Thông Bảo là của chúa Nguyễn đúc từ năm 1746.
- 3, Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Saigon, 1971, tập 2, tr122.
- 4, Trần Trọng Kim, sđd, tr 130.
- 5, Edward Toda, *Annam And Its Minor Currency*, Shanghai, 1882. Trong phần sự can thiệp của Trung Hoa vào Bắc Kỳ, tác giả giải thích đồng tiền này “Cast in Yunnan for the payment of the Chinese troops”.
- 6, Trần Trọng Kim, sđd, tr 131.
- 7, 8, Trích lời “Hiệu dụ tướng sĩ” của vua Quang Trung.
- 9, Trần Trọng Kim, sđd, xem nội dung tr 134-135.

- 10, John A. Novak, *A Working Aid For Collector Of Annamese Coins*, USA, 1989. Tác giả giải thích đồng tiền Càn Long - An Nam: "This coin is part of TaySon story, as the Chinese emperor involved himself, finally riconizing Quang Trung as king".
- 11, Xem: -Hội tiền tệ học Quảng Tây, *Việt Nam Lịch Sử Hoá Tệ*, 1993. -Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, *Tiền Kim Loại Việt Nam*, Hà Nội, 2005.
- 12, Xem *Catalogue Of Annam Coins 968-1955* của Bernard J. Perma (Saigon, 1963), các đồng tiền số 179-180-181 và 631-632 đều là tiền giả. Sách *Vua Quang Trung* của Lam Giang Nguyễn Quang Trứ (NXB Thanh Niên, 2001), tr 118; bài của Nguyễn Bảo Tụng trên Kiến Thức Ngày Nay số 15 (tháng 7.1989), tr 13; hoặc bài của Nguyễn Trí Sơn (bảo tàng Quảng Ngãi) trên Kiến Thức Ngày Nay năm 1994... đều giới thiệu những đồng tiền Quang Trung có 8 mỹ hiệu, là những đồng tiền giả mới sáng tác.
- 13, Đỗ Văn Ninh, sđd, tr 133.
- 14, Quốc sử quán triều Nguyễn, sđd, tr 814.
- 15, Nội các triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1993, tập 5, tr 42.
- 16, Nội các triều Nguyễn, sđd, xem thêm các trang 42 đến 44.
- 17, Xem thêm: Nội các triều Nguyễn, sđd, các trang 15, 22, 23, 28. Hoặc: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh Chính Yếu*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1994, tập 2, tr 471-472.